TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **662**/2021/KDTM-PT
Ngày: 09/12/2021
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistic và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Công Toại**

Các Thẩm phán: Ông **Đào Quốc Thịnh**

Bà **Lê Thị Tuyết Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thu Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/11/2021 và ngày 09/12/2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistic và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/KDTM-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3712/2021/QĐ-PT ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8529/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Thăng Long VN**

Địa chỉ: Số C406, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Cẩm G; CMND số 231164541 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/9/2013; (Văn bản uỷ quyền ngày 07/10/2020);

Địa chỉ liên lạc: Số 7-9 đường số 7, khu phố 4, phường AP, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Giao nhận VTGH;

Địa chỉ: phường A, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh V. Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K; CCCD số 079066006194 do Cục Cảnh sát cấp ngày 10/11/2017;

Địa chỉ liên lạc: 66 Phường 15, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 01/9/2020)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Công ty Thăng Long VN;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Công ty Thăng Long VN/nguyên đơn) có đăng ký kinh doanh lĩnh vực xuất nhập khẩu và bán buôn, bán lẻ hàng hóa bao gồm các mặt hàng bánh kẹo.

Công ty Cổ phần Giao nhận VTGH/bị đơn) là một trong các đối tác của Nguyên đơn, kinh doanh về lĩnh vực vận tải, giao nhận hàng hóa.

Vào ngày 12/9/2017, Bị đơn gửi Nguyên đơn báo giá dịch vụ về việc vận chuyển hàng hóa từ cảng Gdansk của Ba Lan về cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung Báo giá dịch vụ, Bị đơn xác định thời gian vận chuyển hàng đối với tuyến đường này là 35 ngày.

Nguyên đơn đã đồng ý với Báo giá dịch vụ của Bị đơn và các bên ký kết Hợp đồng dịch vụ số 01 đề ngày 16/9/2017. Theo đó, Bị đơn sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, làm thủ tục hải quan để nhận hàng từ cảng Gdansk của Ba Lan về cảng Cát Lái cho Nguyên đơn. Theo Điều 4 của Hợp đồng 01, Nguyên đơn sẽ thanh toán toàn bộ phí dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bị đơn giao hàng và đưa hóa đơn gốc cho Nguyên đơn. Hợp đồng 01 có thời hạn kể từ ngày ký cho đến ngày 31/12/2018.

Vào ngày 18/9/2017 Nguyên đơn và Bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ thông quan và vận chuyển nội thành Thành phố Hồ Chí Minh số 01/2017/TimexVN-GHTrans (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng 01/2017"). Theo đó, Bị đơn sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá, làm thủ tục hải quan và vận tải đường bộ từ cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 4 của Hợp đồng 01/2017, Nguyên đơn sẽ thanh toán toàn bộ phí dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bị đơn giao hàng và đưa hóa đơn gốc cho Nguyên đơn. Hợp đồng 01/2017 có thời hạn kể từ ngày ký cho đến ngày 31/12/2018.

Vào ngày 05/11/2018 (thời điểm các hợp đồng vẫn đang còn hiệu lực) Nguyên đơn gửi thư điện tử cho Bị đơn để thông báo một số hợp đồng do Nguyên đơn mới ký kết với nhà cung cấp, bao gồm: Hợp đồng mua bán bánh quy và bánh xốp số 06/Flis/2018 ngày 09/10/2018 được ký kết giữa Nguyên đơn và Công ty Flis; Hợp đồng mua bán bánh quy và kẹo sô cô la số 01/E.WEDEL/2018 ngày 24/10/2018 được ký giữa Nguyên đơn và Công ty Lotte Wedel Sp.Zo.o. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn sắp xếp chuyển hàng về Việt Nam sớm, trong đó có các lô hàng bánh Happy Bianco và Happy Nero của Hợp

đồng số 06/Flis/2018. Cùng ngày, Bị đơn gửi thư điện tử xác nhận thông tin đã nhận được và tiến hành công việc theo yêu cầu của Nguyên đơn. Kể từ ngày 08/11/2018, Bị đơn bắt đầu thay mặt Nguyên đơn liên hệ với Công ty Flis tiến hành các thủ tục vận chuyển mặt hàng bánh theo Hợp đồng số 06/Flis/2018 về Việt Nam.

Như vậy dịch vụ vận chuyển hàng theo Hợp đồng số 06/Flis/2018 đã được Bị đơn xác nhận và thực hiện kể từ đầu tháng 11/2018. Khi đó, các hợp đồng vẫn còn hiệu lực áp dụng đối với Nguyên đơn và Bị đơn. Trong quá trình cung cấp dịch vụ cho Nguyên đơn, Bị đơn đã vi phạm thời hạn giao hàng khiến Nguyên đơn phải gánh chịu toàn bộ thiệt hại phát sinh từ các lô hàng bánh Flis và lô hàng kẹo sô cô la theo Hợp đồng số 01/E.WEDEL/2018. Do đó, Nguyên đơn căn cứ theo quy định tại Điều 302 Luật Thương mại để yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại cho hành vi vi phạm này.

* Ý kiến của nguyên đơn về Đơn phản tố của Bị đơn:

Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn thanh toán khoản chi phí phát sinh 28.000.000 đồng và cước tàu từ GDansk (Ba Lan) về Thành phố Hồ Chí Minh là 18.873.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyên đơn không xác định được hai khoản tiền mà Bị đơn yêu cầu là hai khoản tiền gì. Bị đơn cũng không giải thích và không cung cấp được tài liệu chứng minh khoản phí này được phát sinh như thế nào? Bị đơn đã thực hiện công việc gì để tính ra được số tiền này? Các hóa đơn VAT do Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải Evergreen (Việt Nam) xuất cho Nguyên đơn phát sinh từ vụ việc nào, có sự xác nhận của Nguyên đơn đối với các khoản phí này chưa? Và các khoản phí này liên quan gì đến yêu cầu phản tố giữa Bị đơn và Nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu phản tố của Bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Bị đơn trình bày: Nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại vì cho rằng Bị đơn vi phạm Điều 4 "Hợp đồng dịch vụ số 01 ngày 16/9/2017" và Điều 4 "Hợp đồng dịch vụ thông quan và vận chuyển nội thành Thành phố Hồ Chí Minh số 01/2017/TimexVN-GHTrans ngày 18/9/2017".

Đây là một viện dẫn trái pháp luật vì chiếu theo Điều 7 thì cả hai hợp đồng là "Hợp đồng dịch vụ số 01 ngày 16/9/2017" và "Hợp đồng dịch vụ thông quan và vận chuyển nội thành Thành phố Hồ Chí Minh số 01/2017/TimexVN-GHTrans ngày 18/9/2017" đều đã hết hiệu lực vào ngày 31/12/2018 mà không được chính Nguyên đơn gia hạn, mặc dù ngày 08/01/2019 Nguyên đơn đã nhận được email thông báo, đính kèm hợp đồng mới của Bị đơn; điều này cũng đồng nghĩa Nguyên đơn không thể căn cứ vào quy định trong các hợp đồng đã hết giá trị pháp lý này để đòi hỏi quyền lợi cho mình được.

Quá trình thực hiện "Hợp đồng dịch vụ số 01 ngày 16/9/2017" và "Hợp đồng dịch vụ thông quan và vận chuyển nội thành Thành phố Hồ Chí Minh số 01/2017/TimexVN-GHTrans ngày 18/9/2017" Nguyên đơn thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ đối với Bị đơn.

Hiện nay Nguyên đơn vẫn còn nợ Bị đơn số tiền dịch vụ (không liên quan đến vụ kiện này) là 28.056.296 đồng và 810USD cước phí vận chuyển.

Do vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong tình trạng Nguyên đơn có tiền lệ trong việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán một cách có hệ thống và hợp đồng dịch vụ mới thì chưa được đối tác ký gia hạn, buộc Bị đơn phải áp dụng phương thức thanh toán theo tập quán thương mại thông thường tức là bên sử dụng dịch vụ phải thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho bên cung cấp dịch vụ trước khi nhận hàng hóa.

Về khoản yêu cầu bồi thường: 4.532.640.899 đồng thể hiện trong "Bảng tổng hợp thiệt hại…" đính kèm "Đơn khởi kiện".

Tổng giá trị hai "Hợp đồng mua bán bánh quy và bánh xốp số 06/Flis/2018" và "Hợp đồng mua bán bánh quy, sô cô la số 01/E.WEDEL/2018 là 76.342,56 Euro, (tỷ giá: 25.000đồng Việt Nam/Euro) tương đương: 1.908.564.000 đồng; toàn bộ số bánh được chứa trong 01 container 20' và 01 container 40'; còn sô cô la được chứa trong 01container 40' lạnh.

* Hợp đồng bánh của hai container 20' và 40' – Hợp đồng số 06/Flis/2018 trị giá: 22,214.56 Euro tương đương 555.364.000 đồng;

* Hợp đồng sô cô la của một container 40' lạnh – Hợp đồng số 01/E.WEDEL/2018 trị giá: 54,128 Euro tương đương 1.353.200.000 đồng.

Thực tế Nguyên đơn đã nhận và tiêu thụ hết một container 40' lạnh sô cô la; trả về cho Công ty Flis một container 40' bánh... nhưng vẫn đòi bồi thường là không có căn cứ.

Số tiền 68.734.542 đồng được cho là chi phí mà bà Nguyễn Thị Thu Hương đi sang Đức để làm việc với đối tác nhằm hoàn trả lại một container 40' bánh, nhưng không có bất cứ một tài liệu nào để chứng minh là có sự kiện này vì khi đã trả được hàng cho đối tác thì chỉ phải mất một khoản tiền thanh toán đợt 1 là 3.906 Euro tương đương số tiền 97.500.000 đồng. Vậy thì lấy đâu ra con số hàng tỷ đồng (chỉ tính riêng tiền bánh) để đòi Bị đơn phải bồi thường?

Nguyên đơn đã bán một container 40' sô cô la và thừa nhận Bị đơn đã giao hàng đúng hạn đối với container này. Thế tại sao lại yêu cầu bồi thường? Trong khi cố tình không cung cấp chứng từ kế toán để xác định giá trị thực (đã bán) của container 40' sô cô la này?

Khi thực hiện dịch vụ giao nhận, Bị đơn không được Nguyên đơn thông báo về quan hệ đối tác giữa Bị đơn với Coopmart, cũng như ràng buộc nghĩa vụ pháp lý hay thụ hưởng quyền lợi trong việc thực hiện hợp đồng giữa Coopmart và Nguyên đơn.

Với trình bày và phân tích trên, Bị đơn không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của Nguyên đơn. Tuy nhiên, Nguyên đơn phải trả cho Bị đơn số tiền nợ 46.873.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại phát sinh tổng số tiền là 734.109.348 đồng. Các khoản thiệt hại yêu cầu cụ thể:

- Thiệt hại đối với lô hàng bánh Happy Bianco là 225.521.010 đồng;

- 30% tiền đặt cọc bánh Happy Nero bị mất là 121.874.054 đồng;

- Chi phí lưu kho mà Nguyên đơn phải trả cho Hải quan do Bị đơn tự ý giữ lô hàng Container 20' để yêu cầu Nguyên đơn thanh toán phí dịch vụ vận chuyển là 15.288.000 đồng;

- Chi phí vé máy bay bà H (Giám đốc Nguyên đơn) đi sang Đức làm việc với lãnh đạo Công ty Flis liên quan đến việc Bị đơn giao lô hàng Container 40' trễ và cung cấp thông tin sai sự thật về việc Công ty Flis đưa hàng ra cảng trễ hẹn là 31.133.000 đồng;

- Chi phí đi lại, lưu trú tại Đức của bà H trong quá trình làm việc với lãnh đạo Công ty Flis là 90.351.132 đồng;

- Chi phí lưu kho A402 HCM toàn bộ bánh Happy Bianco tính từ tháng 12/2018 đến ngày 15/6/2019 là 224.406.000 đồng;

- Chi phí điện, dịch vụ lưu kho A402 HCM tính từ tháng 12/2018 đến ngày 15/6/2019 toàn bộ bánh Happy Bianco là 25.536.152 đồng;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/KDTM-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền 734.109.348 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền 3.798.531.551 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn buộc Nguyên đơn thanh toán số tiền phí dịch vụ còn nợ là 46.873.000 đồng

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 36.364.374 đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.266.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0031484 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án Quận G. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền 19.901.606 đồng.

Bị đơn được hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0032482 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/11/2020, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp; sai lầm trong việc áp dụng pháp luật và đánh giá chứng cứ; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu Nguyên đơn và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là buộc Bị đơn bồi

thường thiệt hại số tiền 734.109.348 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn.

- Đại diện Bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ án kéo dài là do trở ngại khách quan, ảnh hưởng của dịch Covid-19, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bị đơn với số tiền 44.663.100 đồng (giảm so với Tòa án cấp sơ thẩm là 2.209.900 đồng); các phần khác giữ nguyên như quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự được ghi nhận trong bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn phúc thẩm các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận G, thụ lý giải quyết *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistic và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"* giữa Nguyên đơn với Bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Tại phiên tòa sơ thẩm Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử phần này là đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn đơn nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại do Bị đơn vi phạm hợp đồng dịch vụ logistic và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tuy nhiên Nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại của lô hàng bánh Happy Bianco do Nguyên đơn tự ý tiêu hủy trong trường hợp phải được tiêu hủy gây thiệt hại. Đối với các khoản thiệt hại khác Nguyên đơn chứng minh được thiệt hại; từ việc cung cấp được hóa đơn, chứng từ của cơ quan, đơn vị có liên quan; nhưng Nguyên đơn không chứng minh được Bị đơn giao chậm trễ lô hàng; không chứng minh được Bị đơn cầm giữ lô hàng của Nguyên đơn là hành vi trái pháp luật, có lỗi và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật, có lỗi và thiệt hại xảy ra; theo Hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn với các chứng cứ do Bị đơn cung cấp là có cơ sở, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Các

phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/KDTM-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền 734.109.348 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền 3.798.531.551 đồng

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn buộc Nguyên đơn thanh toán số tiền phí dịch vụ còn nợ là 46.873.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày Bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Nguyên đơn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 36.364.374 đồng (*Ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng*) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.266.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0031484 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền 19.901.626 đồng.

- Bị đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0032482 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0041840 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận G;
- Chi cục THADS Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Toại